CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Tên ngành: KẾ TOÁN

TT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 14 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**14**				
1	225018	Tài chính – Tiền tệ	2				
2	224003 200001	Anh văn 1/ Tiếng Nhật 1	3				
3	229100	Tin học	2				
4	225015	Nguyên lý thống kê	2				
5	226020	Pháp luật đại cương	2				
6	225088	Nguyên lý kế toán	3				
Học kỳ 2: 17 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**17**				
7	223006	Chính trị 1	3				
8	224004 200002	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3				
9	225029	Thuế	2				
10	222034	Toán ứng dụng C	3				
11	225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3				
12	225082	Tài chính doanh nghiệp	3				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
13.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
13.2	234006	Bóng đá 1	2				
13.3	234007	Bóng rổ 1	2				
13.4	234008	Cầu lông 1	2				
13.5	234009	Aerobic 1	2				
Học kỳ 3: 15 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**13**				
14	223007	Chính trị 2	3				

15	224016 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3				
16	225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3				
17	225109	Kế toán sổ	2				
18	225126	Thực hành khai báo thuế	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
19.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
19.2	234010	Bóng đá 2	2				
19.3	234011	Bóng rổ 2	2				
19.4	234013	Cầu lông 2	2				
19.5	234014	Aerobic 2	2				
Học phần tự chọn			**2**				
20.1	226035	Soạn thảo văn bản	2				
20.2	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
20.3	226093	Luật kinh doanh	2				
20.4	226018	Nghệ thuật lãnh đạo	2				
20.5	225103	Bảo hiểm	2				
20.6	225057	Toán tài chính	2				
Học kỳ 4: 15 Tín chỉ (không tính học phần Kỹ năng mềm)							
Học phần bắt buộc			**13**				
21	225004	Kế toán máy	3				
22	225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3				
23	224006 200004	Anh văn chuyên ngành (kế toán)/ Tiếng Nhật 4	2				
24	225012	Kiểm toán	2				
25	225050	Thị trường chứng khoán	2				
26	225118	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp	1				
27	222035	Kỹ năng mềm	2				
Học phần tự chọn			**2**				
28.1	225107	Kế toán ngân hàng	2				
28.2	225125	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2				
28.3	225003	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
28.4	225110	Kế toán tài chính nâng cao	2				
28.5	226016	Marketing căn bản	2				
28.6	225025	Thanh toán quốc tế (Kế toán)	2				
Học kỳ 5: 14 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)							
Học phần bắt buộc			**9**				
29	225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
30	225072	Chuyên đề kế toán thuế	1				

31	225108	Kế toán quản trị	3				
32	225106	Hệ thống thông tin kế toán	2				
33	234012	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5				
Học phần tự chọn			**5**				
34.1	225037	Khóa luận tốt nghiệp	5				
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp							
34.2	225119	Thực hành kế toán trên phần mềm	2				
34.3	225045	Thực hành sổ sách kế toán	3				
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**5**				
35	225123	Thực tập tốt nghiệp	5				